TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 79/2024/QĐST-HNGĐ	*VX, ngày 20 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 125/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Làng Khẻn, xã Đạo Đ, huyện V, tỉnh H.

- *Bị đơn:* Anh Trần Quốc H, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn Làng Khẻn, xã Đạo Đ, huyện V, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, khoản 1, 2 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; Điều 19; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án";

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Trần Quốc H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Trần Quốc H nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T, anh H thống nhất, sau khi ly hôn chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Trang N, sinh ngày

21/01/2014 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Chị T, anh H tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không bị ai cản trở.

- Về tài sản, công nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền T tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001138 ngày 18/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H. Trả lại cho chị T 150.000 đồng án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- TAND tỉnh H;
- UBND xã Đạo Đ, huyện V, tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nông Thế Chiến